

CHÍNH SÁCH THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH

● HOÀNG THU HIỀN

Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường ngày càng gia tăng, phát triển kinh tế xanh đã trở thành xu hướng tất yếu của nhiều quốc gia. Thuế bảo vệ môi trường được xem là công cụ chính sách quan trọng nhằm điều chỉnh hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng giảm ô nhiễm và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng chính sách thuế bảo vệ môi trường tại Việt Nam và tác động của công cụ này đối với mục tiêu kinh tế xanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số định hướng hoàn thiện chính sách thuế nhằm góp phần thực hiện mục tiêu Net Zero vào năm 2050.

Từ khóa: thuế bảo vệ môi trường, kinh tế xanh, chính sách thuế, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đang trở thành thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia. Hoạt động sản xuất và tiêu dùng phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch đã làm gia tăng phát thải khí nhà kính, gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Trước thực trạng đó, nhiều quốc gia đã chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ kinh tế truyền thống sang kinh tế xanh, trong đó phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Trong các công cụ chính sách thúc đẩy kinh tế xanh, thuế môi trường được xem là giải pháp quan trọng nhằm nội hóa chi phí môi trường vào giá cả hàng hóa và dịch vụ, qua đó điều chỉnh hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường.

Tại Việt Nam, Luật Thuế bảo vệ môi trường được ban hành năm 2010 và có hiệu lực từ năm 2012. Trong bối cảnh Việt Nam hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, việc tiếp tục đánh giá và hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi trường là cần thiết.

2. Cơ sở lý luận về thuế bảo vệ môi trường và kinh tế xanh

Lý thuyết thuế môi trường bắt nguồn từ khái niệm thuế Pigouvian do Pigou (1920) đề xuất, theo đó các hoạt động gây ngoại tác tiêu cực cần chịu một khoản thuế tương ứng với chi phí xã hội. Theo OECD (2022), thuế môi trường là công cụ hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy đổi mới công nghệ, trong khi Stern (2007) nhấn mạnh vai trò của thuế carbon trong ứng phó biến đổi khí hậu. Tại châu Âu, thuế môi trường được áp dụng rộng rãi và chiếm khoảng 2-3% GDP (European Commission, 2021). Ở Việt Nam, một số nghiên cứu đã đề cập đến vai trò của thuế bảo vệ môi trường, tuy nhiên mối liên hệ giữa sắc thuế này và định hướng phát triển kinh tế xanh vẫn chưa được phân tích đầy đủ.

Khái niệm thuế bảo vệ môi trường

Theo Luật thuế BVMT, Thuế BVMT là loại thuế gián thu đánh vào các sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động tiêu cực đến môi trường.

Theo OECD, thuế môi trường là loại thuế áp dụng đối với các cơ sở thuế có tác động tiêu cực rõ ràng đến môi trường như phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí, nước và đất.

Khái niệm kinh tế xanh

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), kinh tế xanh là nền kinh tế có mức phát thải carbon thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đảm bảo công bằng xã hội. Trong mô hình kinh tế xanh, các chính sách kinh tế như thuế môi trường, tín dụng xanh và đầu tư xanh đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

Vai trò của thuế bảo vệ môi trường đối với phát triển kinh tế xanh

Thuế bảo vệ môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xanh.

Thứ nhất, thuế góp phần hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm bằng cách tăng chi phí đối với các sản phẩm như xăng dầu, than đá và túi ni lông, từ đó khuyến khích giảm tiêu thụ và chuyển sang các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Thứ hai, thuế tạo động lực cho doanh nghiệp

đầu tư vào công nghệ sản xuất sạch hơn nhằm giảm chi phí và phát thải.

Thứ ba, nguồn thu từ thuế bảo vệ môi trường có thể được sử dụng để đầu tư cho các chương trình bảo vệ môi trường, phát triển năng lượng tái tạo và hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh.

3. Thực trạng chính sách thuế bảo vệ môi trường tại Việt Nam

3.1. Thực trạng khung pháp lý về thuế bảo vệ môi trường

Để đảm bảo phát triển bền vững, BVMT, Việt Nam đã có khá nhiều các chính sách thuế, phí nhằm BVMT, tiêu biểu như: Thuế BVMT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012, đối tượng chịu thuế là các sản phẩm gây ô nhiễm; Thuế tiêu thụ đặc biệt đánh vào một số hàng hóa cần hạn chế sản xuất và tiêu dùng, như: thuốc lá, xăng, ô tô, bia, rượu, điều hòa nhiệt độ... đã góp phần giảm thiểu các tác hại đến môi trường; Thuế tài nguyên, mức thuế suất thuế tài nguyên được phân biệt theo từng nhóm, loại tài nguyên, đã có tác động đến việc khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài nguyên, góp phần BVMT sinh thái; Và các loại phí khác, như: phí nước thải, phí rác thải; phí BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản...

Thuế BVMT tại Việt Nam được quy định chủ yếu trong Luật Thuế BVMT năm 2010, Việt Nam đã chính thức thiết lập một công cụ kinh tế trực tiếp nhằm điều tiết các hoạt động gây ô nhiễm. Khung pháp lý này được cụ thể hóa qua các Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, tạo nên một hệ thống hành chính thuế tương đối ổn định.

Hiện nay, đối tượng chịu thuế BVMT tại Việt Nam bao gồm 8 nhóm hàng hóa cốt lõi: (1) Xăng, dầu, mỡ nhờn; (2) Than đá; (3) Dung dịch hydrochloro-fluoro-carbon (HCFC); (4) Túi nilon thuộc diện chịu thuế; (5) Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng; (6) Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng; (7) Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng; (8) Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng. Có thể thấy, Luật thuế BVMT thể hiện rõ quan điểm sử dụng thuế điều tiết vào các hàng hóa gây ô nhiễm nhằm BVMT sinh thái, góp

phần thay đổi nhận thức của con người đối với môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững theo xu hướng phát triển của thế giới.

Cơ chế tính thuế đang áp dụng là thuế tuyệt đối (mức thuế cố định trên một đơn vị hàng hóa). Cách tiếp cận này giúp đơn giản hóa công tác hành chính thuế, giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và dễ dàng trong việc dự toán ngân sách. Tuy nhiên, về mặt bản chất kinh tế, việc áp dụng mức thuế tuyệt đối chưa phản ánh sát sao giá trị thiệt hại biên về môi trường khi giá cả thị trường hoặc nồng độ phát thải thay đổi.

3.2. Phân tích kết quả thu ngân sách từ thuế BVMT

Theo số liệu từ Niên giám Thống kê Việt Nam của Cục Thống kê, nguồn thu từ thuế bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2020-2024 có sự biến động đáng kể. Năm 2020, số thu đạt khoảng 60,6 nghìn tỷ đồng và giảm nhẹ xuống 58,6 nghìn tỷ đồng vào năm 2021. Tuy nhiên, từ năm 2022 đến năm 2023, nguồn thu này giảm mạnh, lần lượt còn khoảng 43,1 nghìn tỷ đồng và 37,3 nghìn tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của xu hướng giảm này xuất phát từ việc Chính phủ điều chỉnh giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 và giảm áp lực lạm phát trong bối cảnh giá năng lượng thế giới tăng cao. Đến năm 2024, nguồn thu từ sắc thuế này có dấu hiệu phục hồi, đạt khoảng 40,3 nghìn tỷ đồng.

Xét về cơ cấu nguồn thu, phần lớn thu từ thuế BVMT tại Việt Nam hiện nay đến từ xăng dầu, chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng số thu của sắc thuế này. Trong khi đó, các đối tượng chịu thuế khác như than đá, túi ni lông hay một số loại hóa chất độc hại đóng góp tỷ trọng khá nhỏ. Điều này cho thấy, phạm vi điều chỉnh của thuế môi trường vẫn còn hạn chế và chưa bao phủ đầy đủ các nguồn gây ô nhiễm trong nền kinh tế.

3.3. Đánh giá chung về chính sách thuế BVMT tại Việt Nam

Nhìn chung, chính sách thuế BVMT tại Việt Nam đã góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và nâng cao nhận thức xã hội về BVMT. Tuy

nhiên, để trở thành động lực cho phát triển kinh tế xanh, chính sách này vẫn còn một số hạn chế. Phạm vi đối tượng chịu thuế còn hẹp, chưa bao quát hết các nguồn gây ô nhiễm; mức thuế chưa phản ánh đầy đủ chi phí môi trường của các hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

4. Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế BVMT nhằm thúc đẩy kinh tế xanh tại Việt Nam

Thứ nhất, mở rộng phạm vi áp dụng thuế: Cần nghiên cứu mở rộng đối tượng chịu thuế đối với các sản phẩm và hoạt động gây ô nhiễm môi trường như phát thải carbon, sản phẩm nhựa khó phân hủy và một số loại hóa chất độc hại.

Thứ hai, điều chỉnh mức thuế phù hợp: Mức thuế cần được điều chỉnh theo hướng phản ánh đúng chi phí môi trường của các hoạt động sản xuất và tiêu dùng, từ đó tạo động lực mạnh mẽ hơn cho việc giảm phát thải và BVMT.

Thứ ba, gắn nguồn thu thuế với các chương trình môi trường: Nguồn thu từ thuế BVMT cần được sử dụng hiệu quả cho các chương trình như: phát triển năng lượng tái tạo, cải thiện chất lượng môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi sang công nghệ xanh.

Thứ tư, kết hợp với các công cụ chính sách khác: Để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, thuế BVMT cần được kết hợp với các công cụ chính sách khác như: ưu đãi thuế cho doanh nghiệp xanh; tín dụng xanh; xây dựng sự gắn kết với thị trường carbon.

5. Kết luận

Thuế BVMT là công cụ chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và BVMT. Việc triển khai sắc thuế này tại Việt Nam thời gian qua đã góp phần nâng cao nhận thức xã hội về BVMT và tạo nguồn lực tài chính cho các hoạt động phát triển bền vững. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, chính sách thuế cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng, điều chỉnh mức thuế phù hợp và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu, qua đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh tại Việt Nam ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội (2010), Luật Thuế bảo vệ môi trường, số 57/2010/QH12, ngày 15/11/2010.

Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg, ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Bộ Tài chính (2023), Quyết định số 2557/QĐ-BTC, ngày 23/7/2025 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Tổng cục Thống kê (2024), Niên giám thống kê 2024, truy cập tại <https://www.nso.gov.vn/default/2026/01/nien-giam-thong-ke-2024-2/>

OECD (2022), Environmental Taxation and Green Growth.

Ngày nhận bài: 15/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 26/02/2026

ENVIRONMENTAL PROTECTION TAX POLICY IN VIETNAM: CURRENT LANDSCAPE AND POLICY DIRECTIONS FOR ADVANCING GREEN ECONOMIC DEVELOPMENT

● HOANG THU HIEN

Faculty of Accounting and Auditing, University of Economics
Technology for Industries

ABSTRACT:

Amid escalating climate change and environmental degradation, green economic development has emerged as an imperative for countries worldwide. Environmental protection taxes are widely regarded as a key policy instrument for steering production and consumption toward reduced pollution and more efficient resource use. This study examines the theoretical underpinnings of environmental taxation, evaluates the current state of environmental protection tax policies in Vietnam, and analyzes their impact on the transition toward a green economy. Drawing on policy analysis and secondary data, the study highlights the role of environmental taxes in supporting Vietnam's long-term sustainability objectives, including its Net-Zero commitment by 2050.

Keywords: environmental protection tax, green economy, tax policy, sustainable development.